#### BÔ CÔNG THƯƠNG

## TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HCM KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



# BÁO CÁO ĐỒ ÁN XÂY DỰNG TRANG WEBSITE QUẢN LÝ ĐIỂM SINH VIÊN

Môn học: Lập trình mã nguồn mở

GVHD: Trần Văn Hùng

#### Sinh viên thực hiện:

- $1. \hspace{0.2in} 2001216021 Nguyễn \ Hoàng \ Phát$
- 2. 2001216097 Nguyễn Như Quỳnh
- 3. 2001210779 Nguyễn Ngọc Quân

TP. Hồ CHÍ MINH, ngày 24 tháng 5 năm 2024

#### MỞ ĐẦU

Ngày nay công nghệ thông tin đã được ứng dụng rất rộng rãi và phổ biến trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hầu như tất cả các cơ quan đơn vị từ lớn đến nhỏ đều cố gắng đưa công nghệ thông tin vào hỗ trợ trong công việc của mình. Trong bối cảnh công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin ngày càng phát triển như vũ bão, thay đổi trong khoảng thời gian rất ngắn thì ở nước ta càng cần phải đẩy nhanh tốc độ của việc áp dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực của cuộc sống. Công nghệ thông tin cũng là một trong những tiêu chí để đánh giá sự phát triển của một xã hội. Qua đó ta cũng thấy được tầm quan trọng trong chiến lược công nghệ thông tin ở nước ta.

Trong những năm gần đây, các chương trình quản lý không còn xa lạ với các cơ quan hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp ... Quản lý đã xâm nhập vào lĩnh vực đời sống xã hội như: Quản lý nhân sự, quản lý lương... trong các cơ quan, quản lý chương trình đào tạo, quản lý điểm học sinh sinh viên, quản lý thư viện trong các trường đại học, cao đẳng và trung học phổ thông...

Đặc biệt trong giáo dục và đào tạo, công tác quản lý điểm sinh viên trong quá trình học tập là rất phức tạp và đòi hỏi độ chính xác cao. Đảm bảo khi mỗi sinh viên tốt nghiệp cũng như sinh viên đang học tập thì điểm học tập các môn học phản ánh cả một quá trình phấn đấu rèn luyện. Trong suốt quá trình học tập điểm học tập của các môn học và điểm thi tốt nghiệp là cơ sở để xếp loại đánh giá chất lượng sinh viên. Do đó công tác quản lý điểm sinh viên đòi hỏi phải có sự thống nhất và tuyệt đối chính xác giúp cho các cơ quan quản lý có điều chỉnh họp lý, kịp thời về phương pháp quản lý và kế hoach đào tao.

Hệ thống quản lý điểm sinh viên này sẽ giúp công tác quản lý điểm sinh viên ở Trường Đại Học Công Thương TP.HCM giải quyết được những khó khăn nêu trên và tăng tính hiệu quả của công tác quản lý.

Chương 1: Tổng quan: Giới thiệu sơ lược về đề tài.

Chương 2: Tìm hiểu công nghệ PHP.

Chương 3: Phân tích hệ thống.

Chương 4: Thiết kế hệ thống.

Chương 5: Kết luận và hướng phát triển.

# ĐÁNH GIÁ CÔNG VIỆC

Họ và tên	Công Việc	Đánh giá
Nguyễn Hoàng Phát	Làm code phần mềm, pdf	100%
Nguyễn Như Quỳnh	Làm Database và vẽ sơ đồ,	100%
	bổ sung code phần mềm	
Nguyễn Ngọc Quân	Làm code phần mềm, pdf	100%

# MŲC LŲC

CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG	13
3.1. GIỚI THIỆU	13
3.2. MÔ HÌNH HÓA NGHIỆP VỤ	13
3.2.1 Sơ đồ usecase nghiệp vụ	13
3.2.2 Đặc tả usecase nghiệp vụ	14
3.2.3 Sơ đồ usecase hoạt động	15
3.3. SƠ ĐỒ LỚP PHÂN TÍCH	15
CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ HỆ THỐNG	17
4.1. GIỚI THIỆU	17
4.2. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU	17
4.2.1 Mô hình dữ liệu quan hệ	17
4.3. THIẾT KẾ CHỨC NĂNG HỆ THỐNG	17
4.3.1 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký	17
4.3.2 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập	18
4.3.3 Sơ đồ tuần tự chức năng quên mật khẩu	19
4.3.4 Sơ đồ tuần tự chức năng tìm kiếm	20
4.3.5 Sơ đồ tuần tự chức năng xem chi tiết sản phẩm	21
4.3.6 Sơ đồ tuần tự chức năng mua hàng	23
4.3.7 Sơ đồ tuần tự hủy đơn hàng	23
4.3.8 Quản lý sản phẩm	24
4.3.9 Quản lý đơn hàng	27
4.4. THIẾT KẾ GIAO DIỆN HỆ THỐNG	29
4.4.1 Danh sách sinh viên	29
4.4.2 Thêm sinh viên	29
4.4.3 Sửa sinh viên	30
4.4.4 Xóa sinh viên	31

4.4.5 Danh sách giáo viên
4.4.6 Thêm giáo viên 32
4.4.7 Sửa giáo viên 32
4.4.8 Xóa giáo viên
4.4.9 Danh sách môn học
4.4.10 Thêm môn học
4.4.11 Sửa môn học
4.4.12 Xóa môn học
4.4.13 Danh sách yêu cầu sửa điểm
4.4.14 Thêm điểm
4.4.15 Bảng điểm theo môn
4.4.16 Bảng điểm theo lớp
4.4.17 Bảng điểm theo sinh viên
4.4.18 Bảng điểm theo kỳ
4.4.19 Danh sách lớp
4.4.20 Thêm lớp
4.4.21 Đăng nhập
4.4.22 Menu chức năng của giáo viên
4.4.23 Menu chức năng của sinh viên
4.4.24 Trang yêu cầu sửa điểm của sinh viên
CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỀN45

### CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN

#### 1.1. GIỚI THIỆU

Trường Đại Học Công Thương TP.HCM mỗi một năm phải tiếp một số lượng sinh viên lớn. Một trong những khó khăn mà phòng đào tạo của trường gặp phải đó là quản lý điểm của sinh viên, không chỉ những sinh viên mới nhập học mà còn có nhiều sinh viên hiện đang học tập tại trường, việc quản lý này gặp khó khăn nhất là trong những đợt tổng kết học kì và tổng kết cuối năm. Vì vậy yêu cầu của trường là cần phải có một bộ phận quản lý điểm của từng sinh viên, của từng lớp cũng như của từng khoa để không có sự sai sót trong quá trình nhập điểm

Theo dõi toàn bộ quá trình học tập của sinh viên trong suốt quá trình học ở trong trường từ khi nhập học cho đến khi ra trường, đảm bảo không xảy ra sai sót trong quá trình cập nhập điểm và thống kê điểm. Hệ thống này giúp cho phòng đào tạo theo dõi, đánh giá kết quả học tập của sinh viên một cách nhanh nhất và chính xác nhất. Nó sẽ làm giảm đáng kể công sức, giấy tờ. sổ sách lưu trữ

Ngoài việc cập nhật điểm của từng sinh viên, hệ thống cũng có thể tra cứu một số thông tin cần thiệt về sinh viên như ngày sinh, quê quán, chỗ ở hiện tại...

Hệ thống lưu trữ, xử lý kết quả học tập của sinh viên theo quy chế của nhà trường. Kiểm soát thống kê việc khen thưởng, xét học bổng, xét lưu ban, thi lại, học lại của sinh viên một cách nhanh chóng và chính xác. Thông qua công tác quản lý mà có thể có hồ sơ cụ thể về kết quả học tập rèn luyên của sinh viên khi ra trường

### 1.2. MỤC TIỂU VÀ PHẠM VI ĐỀ TÀI

Mục tiêu: Tìm hiểu và sử dụng PHP để xây dựng website, xây dựng Web Laravel để kết nối dữ liệu phía client với server, quản lý việc hiển thị và cập nhật điểm số của sinh viên.

Phạm vi: Đề tài chỉ dừng trong phạm vi quản lý điểm của sinh viên, bao gồm việc hiển thị điểm số, cập nhật thông tin điểm số, và tạo ra các báo cáo liên quan đến học tập của sinh viên.

#### 1.3. KHẢO SÁT HỆ THỐNG

#### 1.3.1 Website quản trị

• Quản lý điểm sinh viên:

Chức năng quản lý điểm sinh viên như xem chi tiết điểm số, duyệt yêu cầu chỉnh sửa điểm, cập nhật điểm số.

• Thống kê học tập:

Chức năng thống kê kết quả học tập theo từng học kỳ, tổng điểm trung bình, số lượng sinh viên, các môn học và điểm số.

• Quản lý môn học:

Chức năng quản lý môn học như thêm, xóa, chỉnh sửa thông tin môn học.

Quản lý tài khoản giảng viên và sinh viên:

Chỉnh sửa thông tin tài khoản, cấp quyền truy cập cho giảng viên và sinh viên.

• Quản lý yêu cầu chỉnh sửa điểm:

Chức năng quản lý các yêu cầu chỉnh sửa điểm của sinh viên.

#### 1.3.2 Website dành cho sinh viên

Chức năng quản lý thông tin cá nhân bao gồm:

Thông tin tài khoản: xem và chỉnh sửa thông tin cá nhân.

Chức năng quản lý điểm số:

Xem lịch sử điểm số: xem danh sách các môn học và điểm số chi tiết của từng môn, yêu cầu chỉnh sửa điểm.

Đánh giá khóa học: đánh giá các môn học sau khi kết thúc học kỳ.

Chức năng tìm kiếm thông tin môn học:

Lọc môn học: theo học kỳ, theo giảng viên, theo điểm số.

Sắp xếp môn học: theo tên, theo điểm số.

Chức năng xem chi tiết môn học:

Xem thông tin chi tiết về môn học, bao gồm tên môn, mã môn, giảng viên, và điểm số.

Chức năng nộp đơn yêu cầu chỉnh sửa điểm: gửi yêu cầu chỉnh sửa điểm số trực tuyến.

## CHƯƠNG 2. TÌM HIỂU CÔNG NGHỆ PHP

### 2.1. GIỚI THIỆU PHP

PHP là viết tắt của **Hypertext Preprocessor**, là một ngôn ngữ lập trình mã nguồn mở có mục đích chung hướng tới phát triển web. Ban đầu nó được tạo ra bởi lập trình viên người Canada gốc Đan Mạch Rasmus Lerdorf vào năm 1993 và được phát hành vào năm 1995. Việc triển khai tham chiếu PHP hiện được sản xuất bởi Nhóm PHP.

### 2.2. ƯU, NHƯỢC ĐIỂM

#### 2.2.1 **Uu điểm**

- Tính đơn giản và linh động: PHP sử dụng mã nguồn mở nên việc cài đặt và sử dụng nó rất dễ dàng. Ngôn ngữ này phù hợp với cả những người hoàn toàn mới với nghề lập trình viên. Bạn chỉ cần học chăm chỉ trong 3 6 tháng để thuần thục nó.
- Cộng đồng hỗ trợ lớn: PHP là một ngôn ngữ phổ biến nên các diễn đàn, đội nhóm chuyên sâu của PHP thuộc hàng ngũ đầu của ngành. Bên cạnh đó, thị trường tuyển dụng cho công việc này cũng chưa bao giờ giảm nhiệt.
- Cơ sở dữ liệu đa dạng: PHP cho phép kết nối với hầu hết các loại cơ sở dữ liệu như MySQL, mSQL, MS-SQL, SQLite, PostgreSQL, v.v. Nhờ vậy, bạn sẽ không bị giới hạn và có thể chọn cơ sở dữ liệu tối ưu nhất cho ứng dụng của mình.
- Thư viện phong phú: Nhiều sách hướng dẫn và các tài liệu tham khảo có sẵn, cung cấp các kiến thức hữu ích cho các lập trình viên mới làm quen dần.

#### 2.2.2 Nhược điểm

- Bản chất mã nguồn PHP: Ngôn ngữ PHP có mã nguồn mở. Điều này có nghĩa là các lỗ hổng của mã nguồn sẽ bị công khai ngay sau khi chúng được tìm thấy. Do đó, trước khi kịp sửa chữa, các lỗ hổng có thể bị khai thác cho các mục đích xấu.
- Một số ứng dụng bằng ngôn ngữ PHP được thiết kế bởi người thiếu kinh nghiệm: Bởi PHP phù hợp với lập trình viên mới vào nghề. Cho nên một số trang web và ứng dụng được phát triển bởi những người còn thiếu kinh nghiệm cũng sẽ đem đến hiệu suất và bảo mật kém hơn.

## 2.3 Cơ sở dữ liệu

## 2.3.1 Bång user

Chứa danh sách tài khoản giáo viên và sinh viên.

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INT	Khóa chính, tự động tăng.
name	VARCHAR(255)	Họ và tên.
username	VARCHAR(255)	Tài khoản đăng nhập (nếu là sinh viên thì username tương đương Mã số sinh viên).
email	VARCHAR(255)	Email liên hệ.
password	VARCHAR(255)	Mật khẩu (sẽ mã hóa khi lưu vào database).
role	ENUM	Chức vụ (student: Sinh viên, teacher: Giáo viên).
Profile_id	INT	ID của profile tương ứng, nếu role là student thì nó sẽ trỏ đến ID trong bảng student_profiles, nếu role là teacher sẽ trỏ đến bảng teacher_profiles.

### 2.3.2 Bång teacher\_profiles

Lưu thông tin tương ứng với user của giáo viên.

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INT	Khóa chính, tự động
		tăng.

#### 2.3.3 Bång classes

Chứa danh sách các lớp học.

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INT	Khóa chính, tự động
		tăng.
name	VARCHAR(255)	Tên lớp.

### 2.3.4 Bång student\_profiles

Lưu thông tin tương ứng với user của sinh viên.

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INT	Khóa chính, tự động
		tăng.
dob	Date	Ngày sinh.
code	VARCHAR(255)	Mã số sinh viên.
class_id	INT	Lớp của sinh viên, trỏ đến ID tương ứng trong bảng classes.

### 2.3.5 Bång subject

Lưu thông tin các môn học.

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INT	Khóa chính, tự động
		tăng.

name	VARCHAR(255)	Tên môn.
code	VARCHAR(255)	Mã môn.
semester	INT	Kỳ học.

### 2.3.6 Bång teacher\_subject

Lưu thông tin các giáo viên sẽ đảm nhận dạy môn học nào.

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INT	Khóa chính, tự động
		tăng.
teacher_id	INT	Trỏ đến ID tương ứng
		trong bảng
		teacher_profiles.
subject_id	INT	Trỏ đến ID tương ứng
		trong bång subjects.

## 2.3.7 Bảng scores

Lưu thông tin điểm của từng sinh viên với từng môn học.

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INT	Khóa chính, tự động
		tăng.
student_id	INT	Trỏ đến ID tương ứng
		trong bảng
		student_profiles.
subject_id	INT	Trỏ đến ID tương ứng
		trong bång subjects.
tq1	FLOAT	Điểm thành phần 1.
tq2	FLOAT	Điểm thành phần 2.
qt	FLOAT	Điểm quá trình.

ck	FLOAT	Điểm cuối kì.
tk	FLOAT	Điểm tổng kết.

#### 2.3.8 Bång request\_edit\_score

Lưu các yêu cầu sửa điểm của sinh viên.

Thuộc tính	Kiểu dữ liệu	Mô tả
id	INT	Khóa chính, tự động
		tăng.
score_id	INT	Trỏ đến ID tương ứng
		trong bång scores.
message	TEXT	Tin nhắn yêu cầu sửa
		điểm.

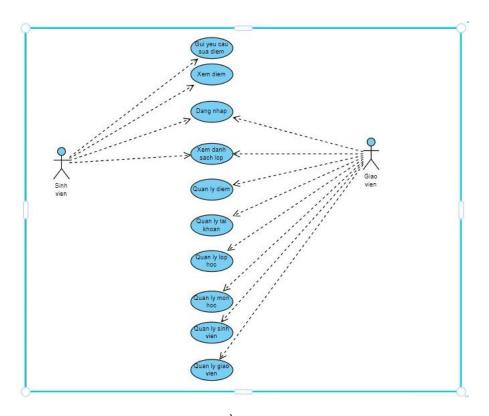
## CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH HỆ THỐNG

#### 3.1. GIỚI THIỆU

Giai đoạn phân tích hệ thống nhằm đi sâu vào chi tiết các chức năng, các quy trình nghiệp vụ, dữ liệu của hệ thống được biểu diễn thông qua các mô hình, chức năng nhằm giúp cho lập trình viên có cái nhìn tổng quát hơn về hệ thống. Sau đây là phần phân tích hệ thống mà nhóm đã xây dựng cho đề tài "Xây dựng website quản lý điểm sinh viên".

### 3.2. MÔ HÌNH HÓA NGHIỆP VỤ

#### 3.2.1 Sơ đồ usecase nghiệp vụ



Hình 3.1. Sơ đồ usecase nghiệp vụ

#### 3.2.2 Đặc tả usecase nghiệp vụ

Use case nghiệp vụ: Quản lý điểm sinh viên

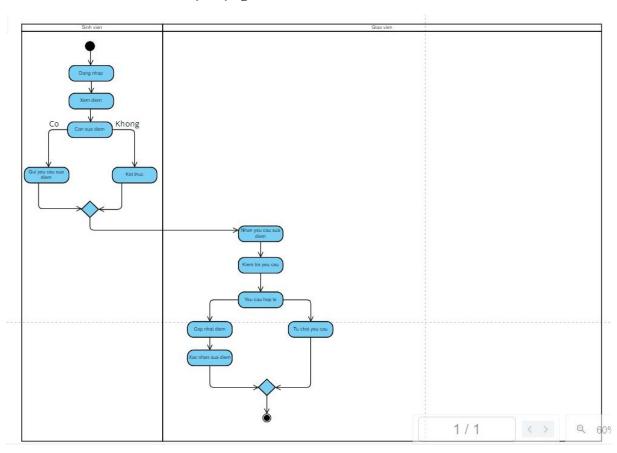
#### Tác nhân chính: Giáo viên

#### Các dòng sự kiện cơ bản:

- 1. Giáo viên chọn chức năng quản lý điểm sinh viên.
- 2. Hệ thống hiển thị danh sách lớp học và sinh viên.
- 3. Giáo viên chọn lớp học và sinh viên cần quản lý điểm.
- 4. Giáo viên nhập hoặc chỉnh sửa điểm số của sinh viên.
- 5. Hệ thống cập nhật điểm số vào cơ sở dữ liệu.
- 6. Hệ thống hiển thị thông báo cập nhật thành công.

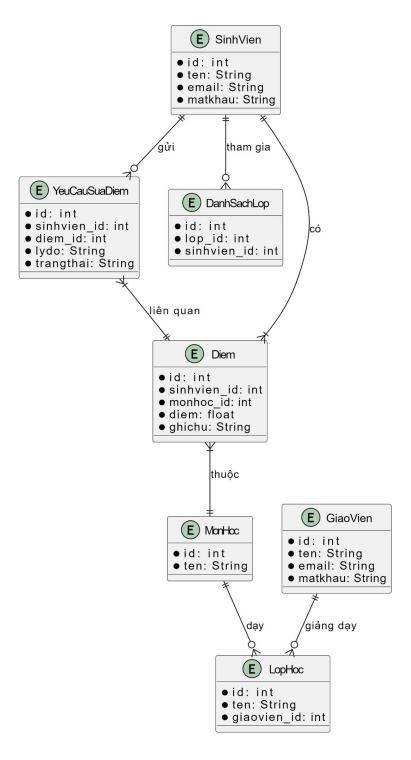
Các dòng thay thế: Tại bước 5, nếu hệ thống gặp lỗi trong quá trình cập nhật điểm, sẽ thông báo lỗi và yêu cầu giáo viên thực hiện lại bước nhập hoặc chỉnh sửa điểm.

## 3.2.3 Sơ đồ usecase hoạt động



Hình 3.2. Sơ đồ hoạt động quản lý điểm

## 3.3. SƠ ĐỒ LỚP PHÂN TÍCH



Hình 3.3. Sơ đồ lớp mức phân tích

### CHƯƠNG 4. THIẾT KẾ HỆ THỐNG

#### 4.1. GIỚI THIỆU

Giai đoạn thiết kế nhằm đưa ra các quyết định về cài đặt hệ thống, để sao cho hệ thống thỏa mãn các yêu cầu mà giai đoạn phân tích đã đưa ra, đảm bảo phù hợp với nhu cầu thực tế. Nhóm đã thiết kế hệ thống dựa trên giai đoạn phân tích hệ thống bao gồm: thiết kế CSDL, sơ đồ lớp ở mức thiết kế, thiết kế giao diện hệ thống.

### 4.2. THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

#### 4.2.1 Mô hình dữ liệu quan hệ

ô da users

id : bigint(20) unsigned

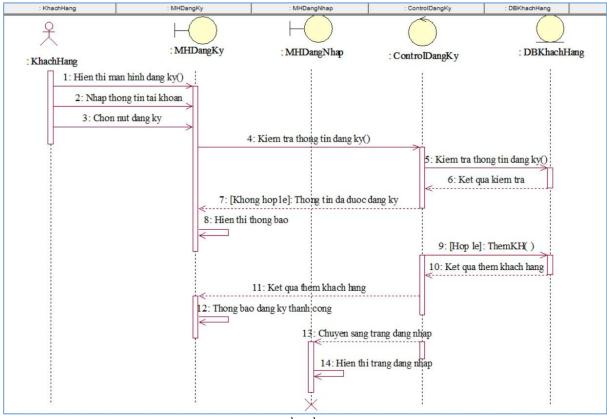
name : varchar(255)

mail : varchar(255) da failed\_jobs 🗸 💠 da password\_resets o email : varchar(255) o token : varchar(255) uuid: varchar(255)
connection: text
queue: text g student id : bigint(20) unsigned g username : varchar(255) g role : varchar(255) profile\_id : bigint(20) unsigned a exception : longtext # tp2 : double(8,2) unsigned # qt : double(8,2) unsigned # ck : double(8,2) unsigned # tk : double(8,2) unsigned remember\_token : varchar(100)
created\_at : timestamp
updated\_at : timestamp v o da personal\_access\_tokens a id : bigint(20) unsigned
tokenable\_type : varchar(255)
tokenable\_id : bigint(20) unsigned created\_at : timestamp updated\_at : timestamp name : varchar(255) e token : varchar(64) abilities : text
last\_used\_at : timestamp
created\_at : timestamp da student\_profiles g id : bigint(20) unsigned e id : bigint(20) unsigned name: varchar(255) updated at : timestamp class\_id : bigint(20) unsigned da request\_edit\_score
id: bigint(20) unsigned
score\_id: bigint(20) unsigned g updated\_at : timestamp created\_at : timestamp
updated\_at : timestamp da subjects
id : bigint(20) unsigned name: varchar(255) updated\_at : timestamp da teacher\_profiles
lid : bigint(20) unsigned
created\_at : timestamp da teacher subject e id : bigint(20) unsigned
n teacher\_id : bigint(20) unsigned o migration : varchar(255)
batch : int(11) da migrations
id: int(10) unsigned # subject\_id : bigint(20) unsigned m created at : timestamp

Hình 4.1. Sơ đồ ERD

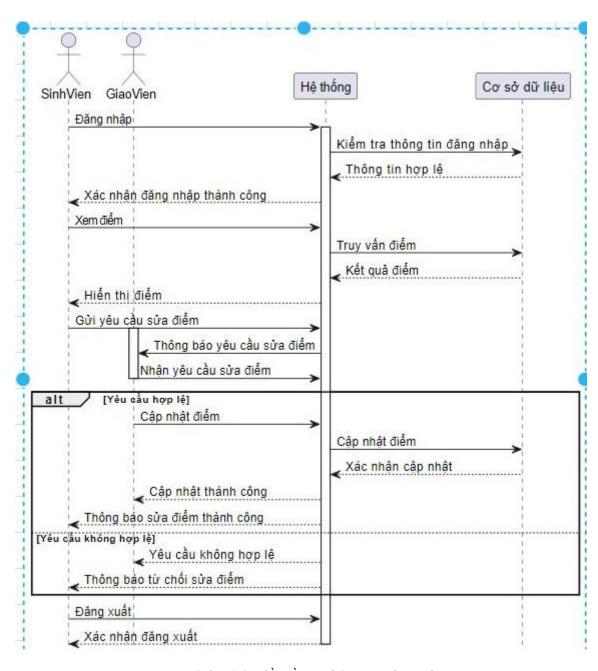
#### 4.3. THIẾT KẾ CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

#### 4.3.1 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký



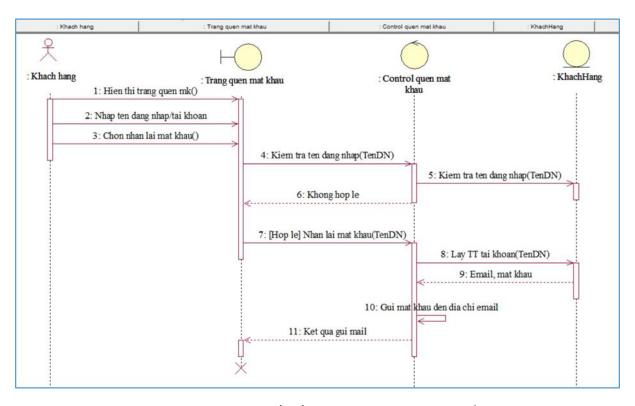
Hình 4.2. Sơ đồ tuần tự chức năng đăng ký

### 4.3.2 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập



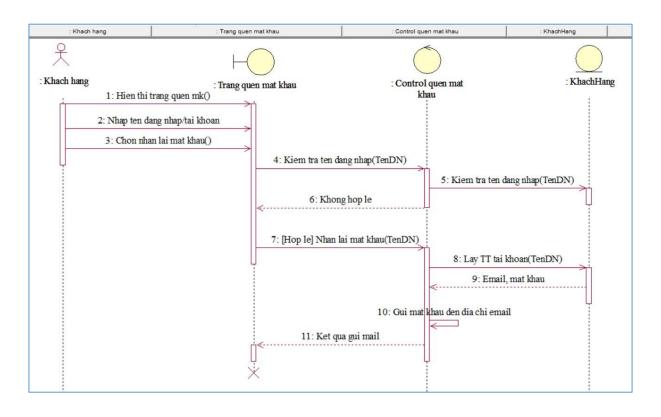
Hình 4.3 Sơ đồ tuần tự chức năng đăng nhập

#### 4.3.3 Sơ đồ tuần tự chức năng quên mật khẩu



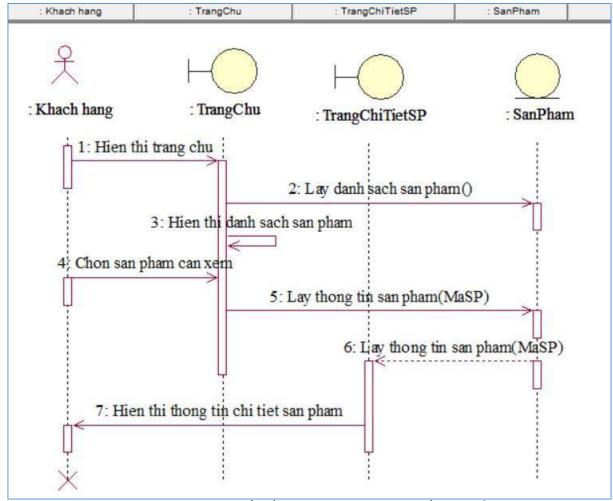
Hình 4.3. Sơ đồ tuần tự chức năng quên mật khẩu

### 4.3.4 Sơ đồ tuần tự chức năng tìm kiếm

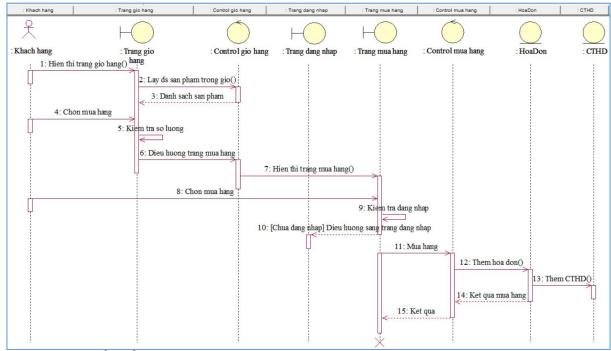


Hình 4.4. So đồ tuần tự chức năng tìm kiếm

### 4.3.5 Sơ đồ tuần tự chức năng xem chi tiết sản phẩm



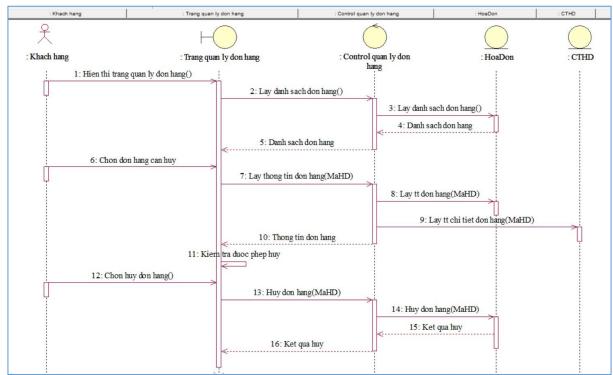
Hình 4.5. Sơ đồ tuần tự chức năng xem chi tiết sản phẩm



4.3.6 Sơ đồ tuần tự chức năng mua hàng

Hình 4.6. Sơ đồ tuần tự chức năng mua hàng

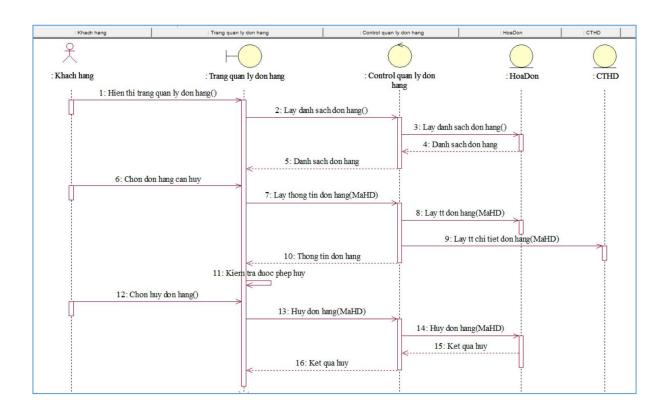
### 4.3.7 Sơ đồ tuần tự hủy đơn hàng



Hình 4.7. Sơ đồ tuần tự hủy đơn hàng

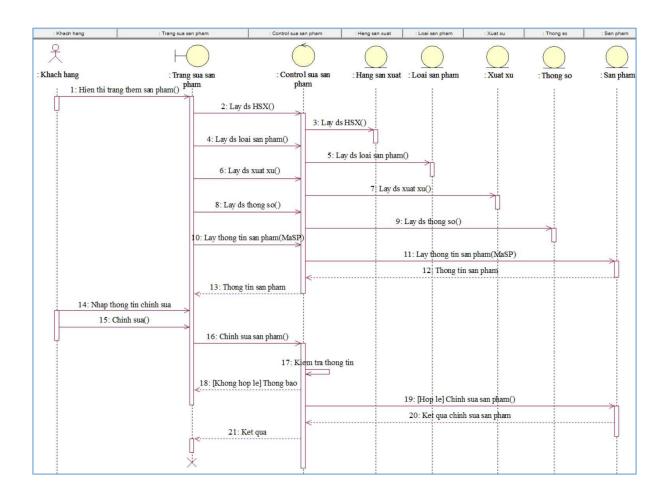
### 4.3.8 Quản lý sản phẩm

a) Thêm sản phẩm



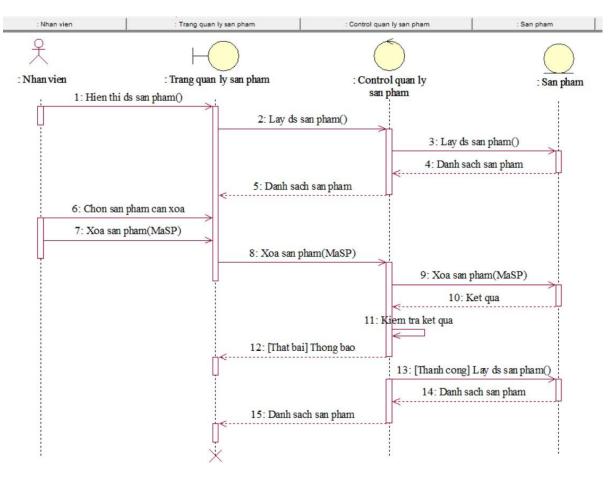
Hình 4.8. Sơ đồ tuần tự thêm sản phẩm

#### b) Sửa sản phẩm



Hình 4.9. Sơ đồ tuần tự sửa sản phẩm

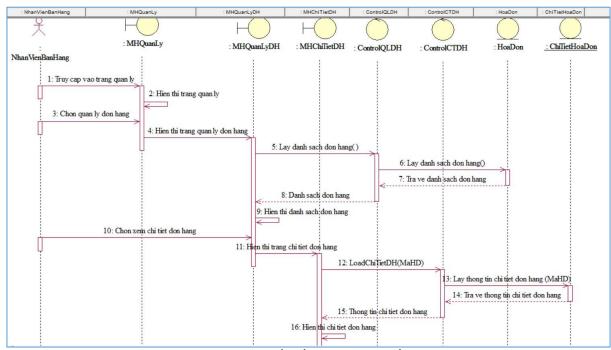
c) Xóa sản phẩm



Hình 4.10. Sơ đồ tuần tự xóa sản phẩm

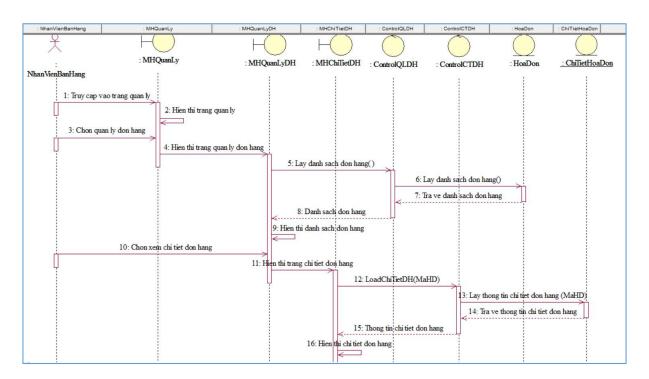
#### 4.3.9 Quản lý đơn hàng

a) Xem chi tiết đơn hàng



Hình 4.11. Sơ đồ tuần tự xem chi tiết đơn hàng

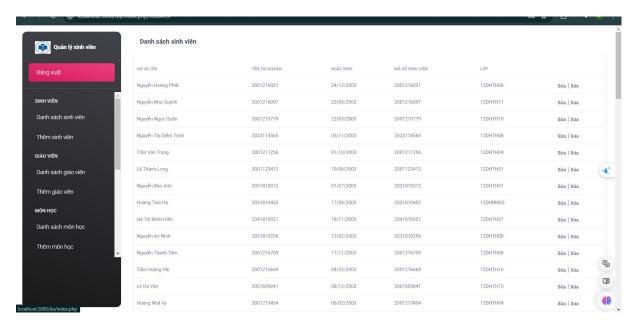
#### b) Cập nhật tình trạng đơn hàng



Hình 4.12. Sơ đồ tuần tự cập nhật tình trạng đơn hàng

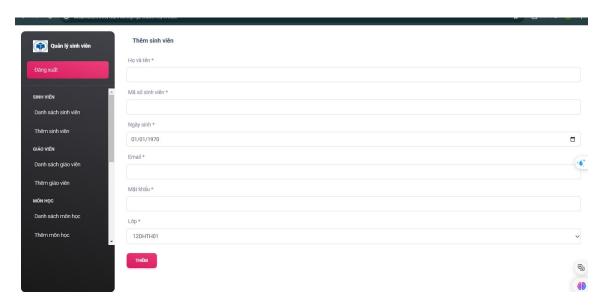
### 4.4. THIẾT KẾ GIAO DIỆN HỆ THỐNG

#### 4.4.1 Danh sách sinh viên



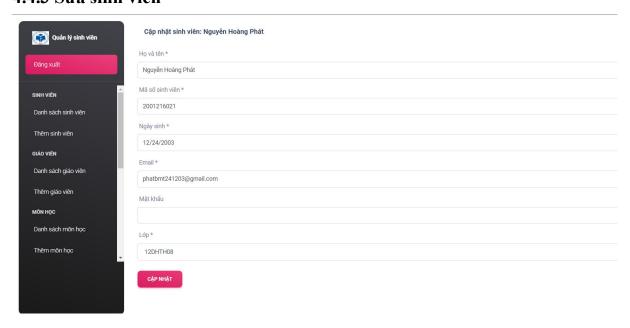
Hình 4.13. Danh sách sinh viên

#### 4.4.2 Thêm sinh viên



Hình 4.14. Thêm sinh viên

#### 4.4.3 Sửa sinh viên



Hình 4.15. Sửa sinh viên

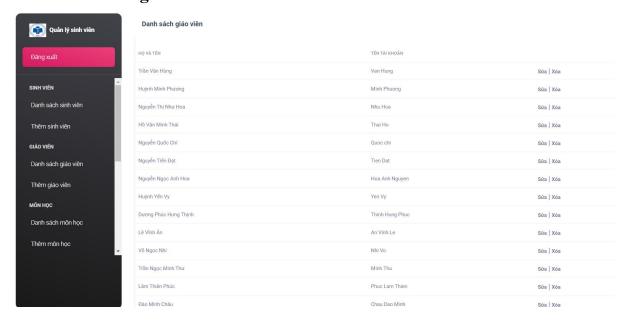
#### 4.4.4 Xóa sinh viên



Hình 4.16. Xóa sinh viên

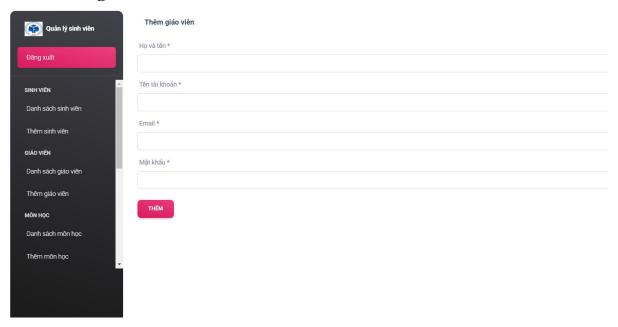
Chức năng xóa sinh viên khi click vào nó sẽ xóa vĩnh viễn ra khỏi danh sách sinh viên

#### 4.4.5 Danh sách giáo viên



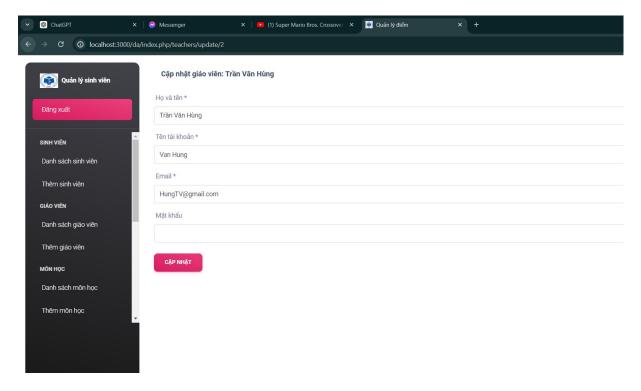
Hình 4.17. Danh sách giáo viên

## 4.4.6 Thêm giáo viên



Hình 4.18. Thêm giáo viên

### 4.4.7 Sửa giáo viên



Hình 4.19. Sửa giáo viên

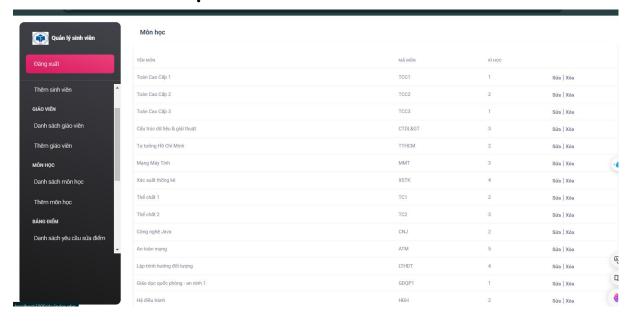
### 4.4.8 Xóa giáo viên

HQ VÀ TÊN	TÊN TÀI KHOẢN	
Trần Văn Hùng	Van Hung	Sửa   Xóa
Huỳnh Minh Phương	Minh Phuong	Sửa   Xóa
Nguyễn Thị Như Hoa	Nhu Hoa	Sửa   Xóa
Hồ Văn Minh Thái	Thai Ho	Sửa   Xóa
Nguyễn Quốc Chí	Quoc chi	Sửa   Xóa
Nguyễn Tiến Đạt	Tien Dat	Sửa   Xóa
Nguyễn Ngọc Anh Hoa	Hoa Anh Nguyen	Sửa   Xóa
Huỳnh Yến Vy	Yen Vy	Sửa   Xóa
Dương Phúc Hưng Thịnh	Thinh Hung Phuc	Sửa   Xóa
Lê Vĩnh Ân	An Vinh Le	Sửa   Xóa
Võ Ngọc Nhi	Nhi Vo	Sửa   Xóa

Hình 4.20. Xóa giáo viên

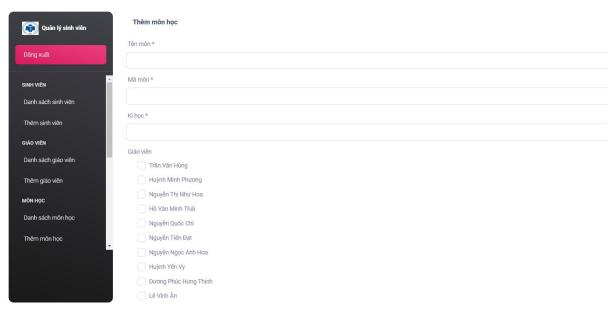
Chức năng xóa này cần để ý đến việc tham chiếu khóa ngoại đến môn học, khi loại bỏ dấu tích giáo viên dạy bên môn học ra thì có thể xóa đi vĩnh viễn giáo viên được

#### 4.4.9 Danh sách môn học



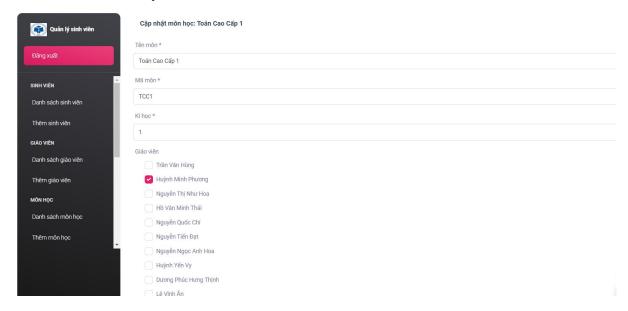
Hình 4.21. Danh sách môn học

### 4.4.10 Thêm môn học



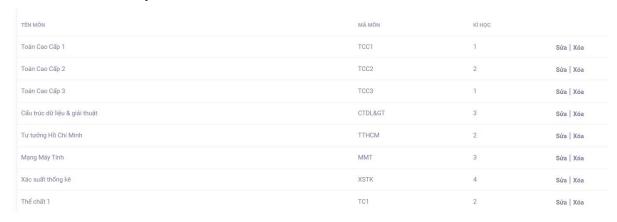
Hình 4.22. Thêm môn học

#### 4.4.11 Sửa môn học



Hình 4.23. Sửa môn học

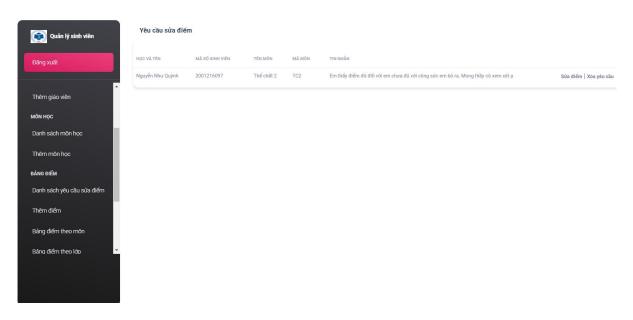
### 4.4.12 Xóa môn học



Hình 4.24. Xóa môn học

Chức năng xóa này cần để ý đến việc tham chiếu khóa ngoại đến giáo viên, khi loại bỏ dấu tích giáo viên dạy bên môn học ra thì có thể xóa đi vĩnh viễn môn học được

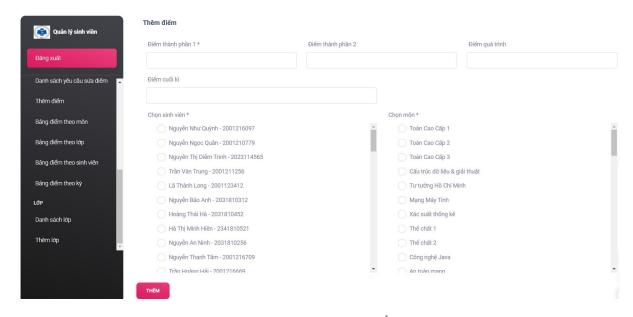
### 4.4.13 Danh sách yêu cầu sửa điểm



Hình 4.25. Danh sách yêu cầu sửa điểm

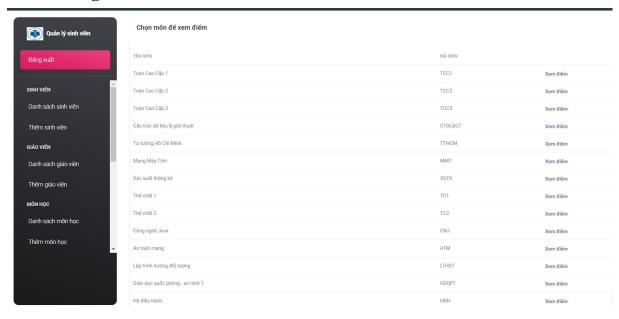
Danh sách yêu cầu sửa điểm cho phép giáo viên sửa điểm sinh viên hoặc xóa yêu cầu

### **4.4.14 Thêm điểm**



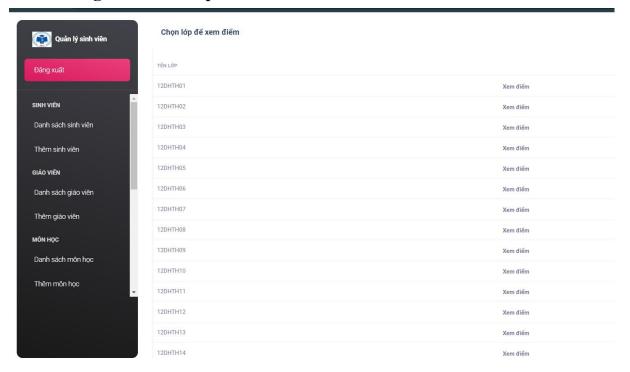
Hình 4.26. Thêm điểm

## 4.4.15 Bảng điểm theo môn



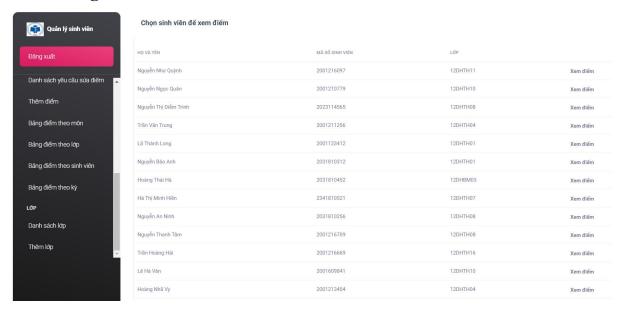
Hình 4.27. Bảng điểm theo môn

## 4.4.16 Bảng điểm theo lớp



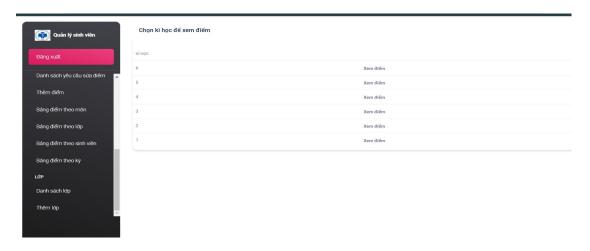
Hình 4.28. Bảng điểm theo lớp

## 4.4.17 Bảng điểm theo sinh viên



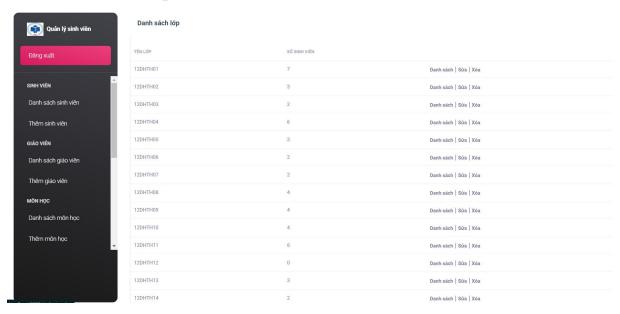
Hình 4.29. Bảng điểm theo sinh viên

## 4.4.18 Bảng điểm theo kỳ



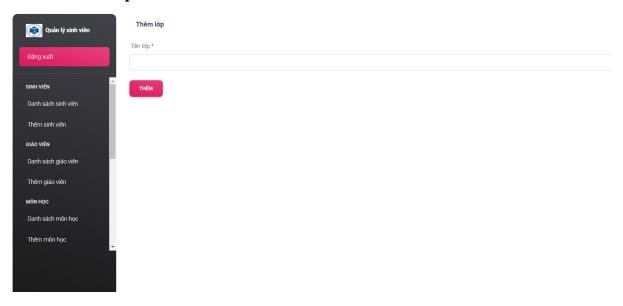
Hình 4.30. Bảng điểm theo kỳ

### 4.4.19 Danh sách lớp



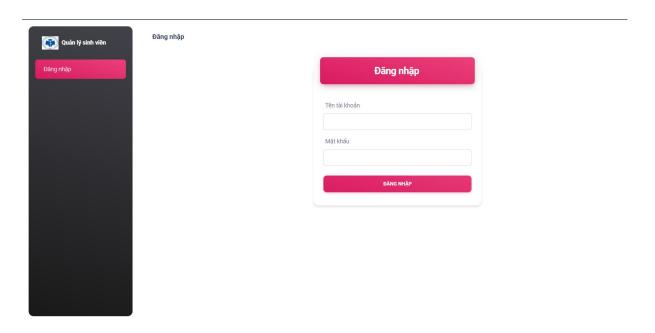
Hình 4.31. Danh sách lớp

### 4.4.20 Thêm lớp



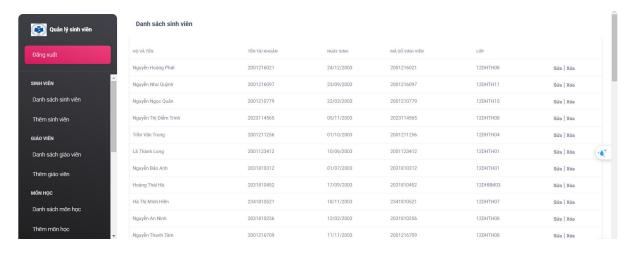
Hình 4.32. Thêm lớp

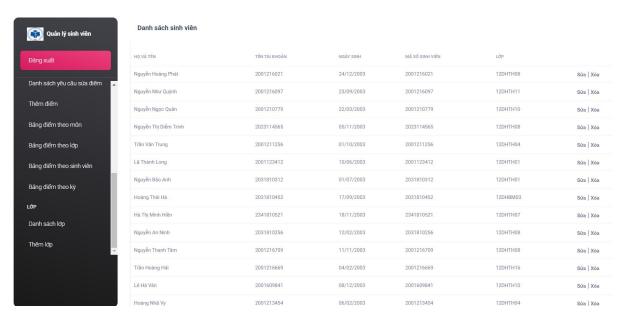
### 4.4.21 Đăng nhập



Hình 4.33. Trang đăng nhập

#### 4.4.22 Menu chức năng của giáo viên





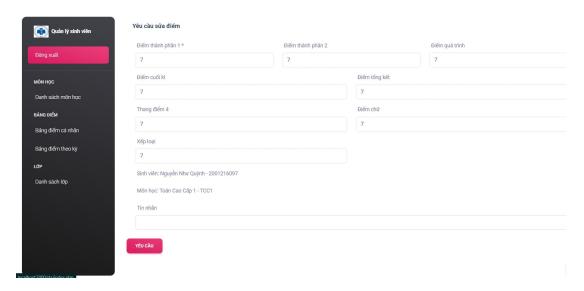
Hình 4.34. Menu chức năng của giáo viên

#### 4.4.23 Menu chức năng của sinh viên



Hình 4.35. Menu chức năng của sinh viên

## 4.4.24 Trang yêu cầu sửa điểm của sinh viên



Hình 4.36. Trang yêu cầu sửa điểm của sinh viên

### CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Qua bài báo cáo đồ án, nhóm em đã xây dựng các chức năng cơ bản của một hệ thống quản lý điểm sinh viên, nắm vững các khái niệm cơ bản về laravel, và nâng cao kỹ năng làm việc nhóm.

Những phần đã làm được: – Tìm hiểu PHP để xây dựng các chức năng cho hệ thống quản lý điểm sinh viên. – Xây dựng cơ sở dữ liệu và laravel để phục vụ cho các chức năng của ứng dụng. – Giải quyết được các vấn đề trong thiết kế giao diện. – Hoàn thành các chức năng cơ bản của một hệ thống quản lý điểm sinh viên. – Chức năng đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Link đăng nhập <a href="http://nhom5php.byethost33.com/public/index.php/login">http://nhom5php.byethost33.com/public/index.php/login</a> Link trang chủ giáo viên

http://nhom5php.byethost33.com/public/index.php/students

Link trang chủ sinh viên

http://nhom5php.byethost33.com/public/index.php/scores/student/169

TaiKhoan GV: Van Hung

MatKhau: 123

TaiKhoan SV: 2001216021

MatKhau: 123

TaiKhoan SV: 2001216097

MatKhau: 123

TaiKhoan SV: 2001210779

MatKhau: 123